

NGHỊ QUYẾT

Quy định phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Thông tư số 57/2018/TT-BTC ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Xét Tờ trình số 1150/TTr-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Thông nhất thông qua quy định phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa; tài sản của

các vụ việc xử lý tại quy định này bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản; tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương; tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động; tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện bị giải thể; tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư.

2. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu; tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; di sản không người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên.

3. Các quy định khác về thẩm quyền, thủ tục, xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thực hiện theo quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (sau đây viết tắt là Nghị định số 29/2018/NĐ-CP) và Thông tư số 57/2018/TT-BTC ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

3. Các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Chương II

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN

XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN VỀ TÀI SẢN

Điều 3. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa; tài sản của các vụ việc xử lý quy định nêu trên bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa; tài sản của các vụ việc xử lý quy định nêu trên bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ các tài sản quy định tại các Khoản 2 và 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP

1. Đối với tài sản mà khi chuyển giao không xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản gồm: Bất động sản; xe ô tô; các tài sản khác (không phải là bất động sản, xe ô tô) có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Điểm a Khoản này.

2. Đối với tài sản mà khi chuyển giao đã xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản gồm: Bất động sản; xe ô tô; các tài sản khác (không phải là bất động sản, xe ô tô) có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản theo đề nghị của đơn vị chủ trì quản lý tài sản;

b) Giám đốc Sở, Thủ trưởng ban ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Điểm a Khoản này.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giải thể.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công - tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công - tư do các cơ quan cấp tỉnh ký hợp đồng dự án.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công - tư do các cơ quan cấp huyện ký hợp đồng dự án.

Chương III

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN

PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC

XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN

Điều 8. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là nhà, đất, xe ô tô và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh quyết định tịch thu.

2. Giám đốc Sở, Thủ trưởng ban ngành cấp tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản khác (trừ tài sản được quy định tại Khoản 1 Điều này) có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh quyết định tịch thu.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản khác (trừ tài sản được quy định tại Khoản 1 Điều này) do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc các cấp huyện, cấp xã quyết định tịch thu.

Điều 9. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu (trừ các trường hợp quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP)

1. Đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu theo quy định của pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền chuyển giao cho đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là nhà, đất và xe ô tô do cơ quan thi hành án các cấp chuyển giao;

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý đối tài sản do cơ quan thi hành án cấp tỉnh và cơ quan thi hành án cấp quân khu chuyển giao (trừ tài sản quy định tại Điểm a Khoản này);

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp huyện chuyển giao (trừ tài sản quy định tại Điểm a Khoản này).

2. Đối với tài sản là vật chứng vụ án do cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân ra quyết định tịch thu

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân các cấp ra quyết định tịch thu là nhà, đất và xe ô tô;

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh ra quyết định tịch thu (trừ tài sản quy định tại Điểm a Khoản này);

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan điều tra cấp huyện, Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện ra quyết định tịch thu (trừ tài sản quy định tại Điểm a Khoản này).

Điều 10. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế (trừ các trường hợp quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là nhà, đất, xe ô tô và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản còn lại không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo đúng quy định. Trong quá trình thực hiện, khi cần có sự thay đổi về phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án

xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ sung, sửa đổi cho phù hợp sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa IX, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2019.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ngành tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng ĐDBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Báo Tây Ninh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, VP. ĐDBQH, HĐND và UBND tỉnh.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Tâm